

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC LINH  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/DS-ST

Ngày: 19/11/2020

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH- TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Đức

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đình Ba.

2. Ông Lê Đức Sơn.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Tô Văn Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hải Lĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 19/11/2020, tại Hội trường xử án, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2020/TLST-DS, ngày 16 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2020/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 83/2020/QĐST-DS, ngày 18/9/2020; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 06/2020/QĐST-DS ngày 22/10/2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Hồ Thị Ng, sinh năm: 1971; Nơi cư trú: Số nhà BCK, đường ĐT AEC, tổ I, thôn L, xã V-H, huyện Đ-V, tỉnh B-T. Có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Trần Thị Đ, sinh năm: 1957 và ông Mai H-D, sinh năm 1955; Cùng trú tại: Tổ 7, thôn L, xã V-H, huyện Đ-V, tỉnh B-T. Có mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông H-D, bà Đ:* Bà Phạm Thị T-T, sinh

năm: 1965; nơi cư trú: Xã T-L, thành phố P-T, tỉnh B-T.

- **Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Đ-L, sinh năm 1961; Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ-L: Bà Hồ Thị Ng, sinh năm 1971; cùng trú tại: Số nhà BCK, đường ĐT AEC, tổ I, thôn L, xã V-H, huyện Đ-V, tỉnh B-T.

- **Người làm chứng:** Ông Trần Ng, sinh năm: 1981; nơi cư trú: Thôn L, xã V-H, huyện Đ-V, tỉnh B-T.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 10/01/2020, các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thì việc trình bày của nguyên đơn là chị Hồ Thị Ng thể hiện:

Xuất phát từ quan hệ quen biết, cùng thôn, xã với nhau nên chị đã nhiều lần cho vợ chồng chị Trần Thị Đ, anh Mai H-D vay tiền, tổng cộng số tiền nợ cho đến nay đã lên đến 230.000.000đ. Cụ thể như sau:

- Ngày 17/4/2013 cho vay số tiền: 5.000.000đ.
- Ngày 18/4/2013 cho vay số tiền: 95.000.000đ.
- Ngày 13/8/2013 cho vay số tiền: 30.000.000đ.
- Ngày 24/9/2013 cho vay số tiền: 30.000.000đ.
- Ngày 24/12/2013 cho vay số tiền: 20.000.000đ.
- Ngày 20/4/2015 cho vay số tiền: 50.000.000đ.

Mặc dù trong chứng cứ là giấy vay tiền, không thể hiện ngày trả tiền nhưng theo thỏa thuận giữa các bên thì khi nào chị cần vợ, chồng anh H-D, chị Đ phải có nghĩa vụ trả lại số tiền nợ gốc cùng với lãi thỏa thuận. Tuy nhiên vợ, chồng chị Đ, anh H-D đã không thực hiện nghĩa vụ của mình đúng như cam kết. Do vậy, chị đã làm đơn khởi kiện, yêu cầu giải quyết buộc vợ, chồng chị Đ, anh H-D phải có nghĩa vụ trả cho chị số tiền nợ gốc là 230.000.000đ cùng với lãi xuất bằng 1,66% từ thời điểm ngày 20/4/2015 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Theo các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ

án, thì việc trình bày của bị đơn chị Trần Thị Đ thể hiện: Chị công nhận chị còn nợ chị Hồ Thị Ng số tiền nợ gốc: 230.000.000đ. Chị chỉ đồng ý trả cho cô Ng số tiền nợ gốc là 230.000.000đ thôi, chị không đồng ý trả lãi.

Theo các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản hòa giải, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thì việc trình bày của bị đơn là anh Mai H-D thể hiện: Anh công nhận vào ngày 17/4/2013 âm lịch anh có vay của chị Ng số tiền: 5.000.000đ và sau đó có vay 30.000.000đ có thể chấp số đó, còn lại những vấn đề khác anh không biết.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông H-D, bà Đ trình bày: Bị đơn công nhận có nợ chị Ng số tiền 230.000.000đ. bị đơn chấp nhận trả số tiền nợ nói trên nhưng không chấp nhận trả lãi. Vì lý do bị đơn đã ngừng trả lãi từ năm 2015, tức là đã vi phạm hợp đồng, xâm phạm đến quyền lợi của nguyên đơn nhưng nguyên đơn không khởi kiện ở thời điểm đó, để đến năm 2019 mới khởi kiện là hết thời hiệu khởi kiện. Như vậy nguyên đơn chỉ còn được khởi kiện đối với việc đòi lại tài sản là 230.000.000đ mà thôi chứ không còn được yêu cầu trả lãi trong hợp đồng vay này. Chứng cứ mới nguyên đơn cung cấp tại phiên tòa ngày 22/10/2020 nguyên đơn không trình bày rõ được lý do nên yêu cầu không được chấp nhận để tính thời hiệu khởi kiện. Vợ chồng bị đơn là người cao tuổi nên đề nghị HĐXX xem xét miễn án phí theo quy định. Trường hợp HĐXX chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn thì yêu cầu HĐXX xem xét theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện các thủ tục tố tụng như tổ chức hòa giải; mở phiên họp về việc tiếp cận, công khai chứng cứ; cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật TTDS.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật TTDS.

Quan điểm giải quyết vụ án: Chứng cứ nguyên đơn cung cấp tại phiên tòa ngày 22/10/2020 không thể hiện rõ có liên quan đến số tiền tranh chấp trong vụ án vì vợ chồng bà Trần Thị Đ và ông Mai H-D có nợ chị Hồ Thị Ng rất nhiều khoản. Chấp nhận một phần yêu cầu của Nguyên đơn về yêu cầu bà Trần Thị Đ và ông Mai H-D trả số tiền gốc là 230.000.000đ, không chấp nhận yêu cầu về tính lãi suất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu ghi trong đơn khởi kiện lập ngày 27/11/2019, các chứng cứ kèm theo của nguyên đơn thì Tòa án xác định đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, được quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú và địa chỉ cụ thể trên địa bàn huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội H-D:

Xuất phát từ chỗ quen biết nhau nên chị Ng có cho vợ chồng chị Đ, anh H-D vay tiền nhiều lần, Tính đến ngày 20/4/2015 chị Đ, anh H-D còn nợ chị số tiền tổng cộng: 230.000.000đ. Cụ thể như sau:

- Ngày 17/4/2013 cho vay số tiền: 5.000.000đ.
- Ngày 18/4/2013 cho vay số tiền: 95.000.000đ.
- Ngày 13/8/2013 cho vay số tiền: 30.000.000đ.

- Ngày 24/9/2013 cho vay số tiền: 30.000.000đ.
- Ngày 24/12/2013 cho vay số tiền: 20.000.000đ.
- Ngày 20/4/2015 cho vay số tiền: 50.000.000đ.

Đồng thời chị Ng còn yêu cầu vợ chồng chị Đ, anh H-D phải trả tiền lãi trên tổng số nợ gốc nói trên kể từ ngày 20/4/2015 cho đến nay, với lãi suất là 1,66%.

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa chị Đ, anh H-D chấp nhận còn nợ chị Ng số tiền là 230.000.000đ và chỉ đồng ý trả số tiền này chứ không chấp nhận trả lãi vì chị Đ, anh H-D cho rằng trước đây đã trả lãi cho chị Ng qua nhiều, chị Ng tính lãi quá cao.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của anh H-D, chị Đ trình bày không chấp nhận yêu cầu tính lãi vì không còn thời hiệu khởi kiện về việc tính lãi.

[4] Về quan hệ tranh chấp và nghĩa vụ trả lãi:

Như nội dung đã nêu ở trên, xem xét chứng cứ là giấy vay tiền các bên đã công nhận chữ viết và chữ ký của nhau (Bút lục số 25) thì có đủ cơ sở để xác định được rằng việc vay mượn tiền giữa chị Ng với vợ chồng chị Đ, anh H-D là quan hệ hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn, có thỏa thuận lãi suất. Được điều chỉnh tại các Điều 463, khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung. Theo đó người vay phải chịu lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung. Đồng thời không xét về thời hiệu khởi kiện

Do vậy Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, đối với việc xem xét về mức lãi suất HĐXX thấy trong chứng cứ, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa các bên tranh chấp về yêu cầu tính lãi, tranh chấp về lãi suất cho nên xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là hoàn toàn phù hợp với khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Lãi suất được tính cụ thể như sau: thời điểm tính lãi là ngày 20/4/2015 đến ngày 19/11/2020 là 66 tháng, 29 ngày. Mức lãi suất được chấp nhận là 10%/năm tương đương 0,83%/ tháng thành tiền là 127.839.357đ

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên buộc vợ chồng chị Đ, anh H-D phải chịu án phí DSST trên toàn bộ số tiền phải trả. Tuy nhiên ngày 05/11/2020 ông H-D, bà Đ có đơn xin miễn án phí được UBND xã V-H ký xác nhận nên HĐXX thấy cần xét miễn hoàn toàn án phí dân sự sơ thẩm cho ông H-D, bà Đ trong vụ án này là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi với số tiền là 255.806.000đ. Tuy nhiên HĐXX chỉ chấp nhận 127.839.357đ. cho nên nguyên đơn phải chịu phần án phí không được chấp nhận của số tiền 127.966.643đ là 6.398.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp.

[6] Về áp dụng án lệ: Vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, giữa chị Hồ Thị Ng với vợ chồng chị Trần Thị Đ, anh Mai H-D. Tòa án nhân dân huyện Đức Linh chỉ xem xét giải quyết tranh chấp theo quy định tại các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015. Nghiên cứu các bản án lệ do TAND Tối cao công bố, không có vụ án nào tương tự như vụ án đang được xét xử. Vì vậy, HĐXX không áp dụng án lệ mà chỉ căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

[7] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung của vụ án. Tuy nhiên, quan điểm về giải quyết yêu cầu tính lãi là chưa phù hợp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 468, 469 của Bộ luật dân sự 2015;

Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 1, 2, 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Xử buộc vợ chồng chị Trần Thị Đ, anh Mai H-D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng chị Hồ Thị Ng và anh Nguyễn Đ-L số tiền là 357.839.000đ (Ba trăm năm mươi bảy triệu, tám trăm ba mươi chín ngàn đồng). Trong đó nợ gốc là 230.000.000đ và nợ lãi là 127.839.000đ.

Chia phần ông Mai H-D và bà Trần Thị Đ mỗi người phải trả cho vợ chồng chị Hồ Thị Ng và anh Nguyễn Đ-L số tiền là 178.919.500đ

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, chị Ng, anh Đ-L có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền vợ chồng chị Đ, anh H-D phải trả nêu trên, thì vợ chồng chị Đ, anh H-D còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho vợ chồng chị Trần Thị Đ, anh Mai H-D

Chị Hồ Thị Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 6.389.000đ nhưng được trừ vào số tiền 10.570.000đ (Mười triệu năm trăm bảy mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003315 ngày 13/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Hoàn trả cho chị Ng số tiền 4.172.000đ.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 19/11/2020 (Đã giải thích).

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Đức Linh,
- Chi cục THA dân sự huyện Đức Linh,
- Các đương sự,
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Đức**